TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2025/QĐST-HNGĐ	*TY, ngày 03 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 217/2024/TLST-HNGĐ ngày 13-11-2024 giữa:

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1998.

Anh Chu Văn Ch, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã V, huyện TY, tỉnh Yên Bái

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị L và anh Chu Văn Ch.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Chu Văn Ch thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Chu Mai L (sinh ngày 08-4-2010) cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Chu Gia K (sinh ngày 15-3-2014) cho anh Chu Văn Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Chu Văn Ch công nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L nhận chịu cả 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Yên Bái theo biên lai số AA/2024/0000572 ngày 12-11-2024. Chị Liên được trả lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- THADS huyện TY;
- VKSND huyện TY;
- UBND xã V;
- LHSVA, KT, tập QĐ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Phú Duy